TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/DS-PT
Ngày: 26/9/2019
V/v: "Tranh chấp vốn góp và chia lợi nhuận"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Thành

Các Thẩm phán : Bà Hoàng Lan Phương;
Bà Lê Thị Dung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:*

Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2019/TLPT- DS ngày 20/6/2019 về việc "Tranh chấp vốn góp và yêu cầu chia lợi nhuận".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐ-PT ngày 09/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐ-PT ngày 26/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2019/QĐPT-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019 và Thông báo thời gian mở phiên tòa số 5309/TA-TH ngày 12/9/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Lê Đình H - sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn 4 xã Q, Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Thị Hiền Lương, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

* *Bị đơn:* Ông Đỗ Xuân N - sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn 1 xã Q, Thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa (Có mặt).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn.

Địa chỉ: Số 14 N, thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Xuân N - Trưởng văn phòng (Có mặt).

* *Người làm chứng:*

1. Ông Trịnh Văn S.

Địa chỉ: số14 N, thành phố Sầm Sơn, Tỉnh Thanh Hóa.

2. Ông Phạm Ngọc T sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu phố H, phường B, TP Thanh Hóa.

3. Ông Trịnh Ngọc Đ sinh năm 1954.

Địa chỉ: Khu phố T, phường B, Thành phố Sầm Sơn, Thanh Hóa.

** Người kháng cáo:* Nguyên đơn Anh Lê Đình H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Lê Đình H trình bày:

Năm 2015 anh và ông Đỗ Xuân N bàn bạc, đầu tư góp vốn thành lập Văn phòng Thừa phát lại thị xã Sầm Sơn (nay là thành phố Sầm Sơn). Để có đủ điều kiện thành lập Văn phòng Thừa phát lại thì phải có người được bổ nhiệm Thừa phát lại theo quy định. Chi phí để thành lập văn phòng bao gồm: Tủ đựng tài liệu; bàn, ghế, máy tính, máy in, Camera, chi phí đăng báo, khắc dấu, in giấy mời, công chứng hợp đồng, chi phí thuê nhà và chi phí cho lễ công bố thành lập văn phòng. Toàn bộ các chi phí này theo tính toán trong biên bản ghi nhớ lập ngày 24/4/2017 hết 80.000.000đ anh H là người chi phí, ông N chỉ là người đại diện theo pháp luật được anh thuê làm Trưởng văn phòng.

Tháng 6/2015, Văn phòng Thừa phát lại được công bố thành lập, bước đầu đi vào thành lập hai bên đoàn kết, cùng nhau thống nhất mọi hoạt động của Văn phòng. Tháng 9/2015 Văn phòng Thừa phát lại bắt đầu có nguồn thu nhập thì cũng là lúc anh phát hiện ông N có ý định chiếm đoạt phần chi phí đầu tư của anh. Từ đó mọi hoạt động của Văn phòng ông N không cho anh biết và tham gia. Tháng 4 năm 2017, anh và ông N lập biên bản ghi nhớ thỏa thuận thành lập Văn phòng Thừa phát lại, có sự chứng kiến của anh Đức (con ông N), sau đó anh yêu cầu ông N thanh toán 04 tháng lợi nhuận và được ông N trả 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu) tiền lợi nhuận và thanh toán 20.000.000đ tiền đầu tư trang thiết bị ban đầu. Cũng chính thời gian này, ông N tuyên bố Nhà nước bổ nhiệm ông chứ không bổ nhiệm anh H nên, anh không có phận sự tại văn phòng, vì vậy mọi hoạt động của văn phòng anh không được tham gia, việc làm của ông N là muốn chiếm đoạt phần chi phí đầu tư và khoản lợi nhuận hàng tháng của anh mà hai bên đã thỏa thuận trước đó.

Nay anh thấy quyền lợi của anh bị xâm phạm, anh đề nghị Tòa án: Buộc ông Đỗ Xuân N phải thanh toán số tiền lợi nhuận 60.000.000đ trong thời gian từ tháng 01/đến 31/5/2017 và yêu cầu ông N thực hiện theo cam kết của các bên.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Đỗ Xuân N trình bầy quan điểm:

Năm 2014, ông tham gia khóa đào tạo tại Học viện Tư pháp để thành lập Văn phòng Thừa phát lại, nH do quy định của Nhà nước chỉ thành lập thí điểm nên ông không muốn mở văn phòng hoạt động. Sau thời gian tham khảo, ông được lãnh đạo các ngành liên quan động viên ông tham gia hoạt động mở văn phòng. Thủ tục thành lập văn phòng, ông đã trình Sở Tư pháp Thanh Hóa - Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp phê duyệt. Trong thời gian này, anh Lê Đình H là anh, em họ với ông có đề cập xin tham gia, nên hai bên có bàn bạc một số vấn đề, trong đó có việc hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại sau khi được thành lập.

Năm 2015 ông được Bộ Tư pháp quyết định bổ nhiệm Thừa phát lại, đến ngày 22/5/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, ban hành quyết định số: 1864/QĐ - UBND, về việc cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại Sầm Sơn, sau đó Sở Tư pháp cấp giấy phép hoạt động. Loại hình hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại do ông làm chủ, là loại hình doanh nghiệp tư nhân, tự chủ về tài chính, có con dấu và tài khoản riêng, không đăng ký vốn pháp định và không ký quỹ để thành lập văn phòng. Để Văn phòng Thừa phát lại Sầm Sơn hoạt động, ông đã đăng ký mã số thuế và mở sổ theo dõi tài sản theo quy định của doanh nghiệp tư nhân.

Bước đầu đi vào hoạt động, văn phòng gặp rất khó khăn, phải tìm người làm việc, phải thuê nhà để đặt trụ sở, tự lo nguồn tài chính hàng tháng để duy trì hoạt động của văn phòng và trả lương cho nhân viên làm việc. Sau khi văn phòng đặt trụ sở làm việc tại nhà ông Trịnh Văn Sáu, anh H đã tự ý đem đến văn phòng một số tài sản như; tủ sắt, bàn ghế, máy vi tính...những thiết bị này đã cũ nên khi làm việc không sử dụng được, đã có thời gian ông yêu cầu anh H mang thiết bị về nH anh H không mang.

Theo ông việc anh H mua sắm tài sản, thiết bị mang đến văn phòng không phải để góp vốn làm ăn chung với ông, mà trên thực tế hai bên có bàn bạc góp vốn bằng tiền mặt, nH anh H không có tiền để đóng góp vào văn phòng. Tuy nhiên, từ tháng 10/2015 đến tháng 9/2017, ông đã đưa cho anh H nhận nhiều lần tiền, trong đó có tiền vay cá nhân để chữa bệnh và tiền thanh toán mua tài sản bàn, ghế, tủ, két sắt, máy vi tính, số tiền được thể hiện tại các phiếu chi số 92 và 93 cùng ngày 25/9/2017. Còn phiếu chi số 63 ngày 09/6/2017 có ghi thanh toán lợi nhuận đến ngày 30/4/2017 nH là để hợp thức hóa tài chính từ hoạt động của văn phòng, số tiền này là tiền góp quỹ lương của nhân viên để có tiền duy trì hoạt động. Tổng cộng ông đã đưa cho anh H số tiền 43.621.000đ. Trong đó tiền thanh toán mua lại tài sản là 17.000.000đ, số tiền còn lại 26.621.000đ là tiền anh H nợ riêng ông, do anh H gặp khó khăn vay để đi chữa bệnh nên ông hỗ trợ cho anh H 4.621.000đ, còn lại số tiền 22.000.000đ anh H phải trả cho ông.

Về việc hai bên lập biên bản ghi nhớ thỏa thuận để thành lập văn phòng. Theo ông trình bày, văn bản này do anh H tự soạn thảo, 01 bản được anh H giao nộp cho Tòa án, 01 bản ông giữ. Tuy nhiên, sau khi ông ký vào văn bản này ông về và xem xét kỹ nội dung, ông thấy nội dung văn bản thỏa thuận không phù hợp với quy định của pháp luật, nên ông không thống nhất với nội dung mà anh H đưa ra. Từ đó, ông có ý kiến phản hồi thắc mắc dẫn đến mâu thuẫn hai bên. Ngày

17/9/2017, ông đã ra thông báo số 15/VP -TPLSS về việc bàn giao văn phòng cho anh H nếu anh H đáp ứng đủ điều kiện pháp lý và lấy danh nghĩa Trưởng văn phòng ký tên đóng dấu. Ngày 24/01/2018, ông ban hành thông báo về việc góp vốn mở văn phòng Thừa phát lại Sầm Sơn cũng ký tên, đóng dấu và thông báo gửi cho anh H.

Nay ông khẳng định, anh Lê Đình H chỉ bàn bạc thành lập Văn phòng Thừa phát lại và giúp ông một số thủ tục giấy tờ ban đầu để trình lên các cơ quan có thẩm quyền. Hai bên không có thỏa thuận góp vốn bằng tiền mặt vào văn phòng thông qua ai và dưới bất kỳ hình thức nào. Nếu có góp vốn thì yêu cầu anh H phải chứng minh. Do đó, ông không chấp nhận quan điểm của anh H như trình bày trong đơn khởi kiện. Ông thừa nhận, anh Lê Đình H có đem tài sản bàn, ghế, máy tính, két sắt đến đặt tại trụ sở văn phòng ở địa chỉ 14 đường Nguyễn Bá Ngọc, phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn là thực tế, nH việc đặt tài sản, thiết bị này cũng không có sự thống nhất, bàn bạc của ông và các thành viên trong văn phòng. Từ quan điểm trên ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H và yêu cầu anh H chấm dứt các hành vi sai trái đối với ông và Văn phòng Thừa phát lại.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông N rút yêu cầu phản tố khoản nợ số tiền 22.000.000đ đối với anh H vì là khoản nợ riêng, không có giấy tờ vay, nên ông không yêu cầu xem xét. Các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Bản án số 05/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 200, khoản 2 Điều 224, Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 183 của Luật doanh nghiệp năm 2014; Điều 123 của Bộ luật dân sự 2015. Căn cứ Điều 20, Điều 61 của Luật cán bộ, công chức năm 2008; Điều 16 của Luật kế toán năm 2015; Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Đình H đối với bị đơn ông Đỗ Xuân N.

2. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2019, anh Lê Đình H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh, buộc ông Đỗ Xuân N phải chia tiền lợi nhuận theo thỏa thuận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Lê Đình H không rút đơn khởi kiện, và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh Lê Đình H có quan điểm: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2017 của Văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn đã mà Chi cục thuế thành phố Sầm Sơn đã cung cấp cho Tòa án để xem xét, áp dụng khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS; Điều 504; Điều 505, 507 BLDS; khoản 2, Điều 308; Điều 309 BLTTDS, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST của TAND thành phố Sầm Sơn ngày 09/05/2019 theo hướng:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Đình H, công nhận số tiền ông Lê Đình H đã góp vào Văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn là 70.000.000đông (Bảy mươi triệu đồng);

- Buộc ông Đỗ Xuân N phải chia lợi nhuận, hoa lợi, lợi tức cho ông Lê Đình H năm 2017 với số tiền là 138.282.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu hai trăm tám tư nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Thanh Hóa chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của TAND thành phố Sầm Sơn theo hướng căn cứ Điều 504, 505, 507, 510, 512 BLDS, chấp nhận một phần đơn khởi kiện, công nhận biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 24/4/2017 giữa ông Đỗ Xuân N và anh Lê Đình H. Buộc ông Đỗ Xuân N phải thanh toán cho anh Lê Đình H số tiền góp vốn vào Văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn là 50 triệu đồng, tiền lợi nhuận hoạt động của văn phòng từ tháng 5/2017 đến hết ngày 31/12/2017 là 77.310.000đ, tổng ông N phải thanh toán cho anh H số tiền góp vốn và lợi nhuận là 127.310.000đ. Anh Lê Đình H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 BLTTDS, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông N là người cao tuổi và tại phiên tòa, ông N đề nghị HĐXX miễn án phí cho ông nên đề nghị miễn án phí cho ông N. Anh H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày, tranh luận của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn xét xử và ban hành bản án số 05/2019/DS-ST ngày 09/5/2019, về việc "Tranh chấp phần vốn góp và yêu cầu phân chia lợi nhuận "; anh Lê Đình H nộp đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn quy định, nên kháng cáo được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Anh Lê Đình H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh về việc yêu cầu văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn chi trả tiền lợi nhuận theo thỏa thuận là không đúng quy định pháp luật. Anh Lê Đình H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh và chi phần lợi nhuận cho anh là 138.282.000 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu hai trăm tám tư nghìn đồng). HĐXX Xét thấy:

[2.1] Về số tiền đầu tư góp vốn:

Căn cứ đơn khởi kiện, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy:

Văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn được thành lập và đăng ký hoạt động tại Sở tư pháp ngày 25/5/2015 do ông Đỗ Xuân N làm Trưởng văn phòng (BL 108).

Đến ngày 24 tháng 4 năm 2017 giữa ông Đỗ Xuân N và anh Lê Đình H có ký biên bản ghi nhớ thỏa thuận để thành lập văn phòng (BL 16-17) với nội dung ghi nhận việc thỏa thuận hợp tác về việc đầu tư mở văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn. Tại Điều 2, 3 của biên bản ghi: "Sau khi hai bên rà soát lại: tổng số tiền anh H góp vào đầu tư văn phòng là 80 triệu bao gồm các chi phí giao dịch để thành lập và trang thiết bị được đặt tại văn phòng phục vụ cho lợi ích của văn phòng. Hiện tại anh H đã nhận lại số tiền 23 triệu trực tiếp từ ông N trong đó 13 triệu là tiền trích ra từ nguồn lợi ích của văn phòng, 10 triệu là tiền đầu tư lúc ban đầu. Số tiền đầu tư ban đầu còn lại là 70 triệu".

Biên bản ghi nhớ thỏa thuận góp vốn ngày 24/4/2017 là sự thỏa thuận giữa hai bên ông Đỗ Xuân N và anh Lê Đình H về việc góp vốn và chia lợi nhuận thể hiện việc ghi cụ thể anh H góp vốn đầu tư văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn ban đầu 80 triệu bao gồm các chi phí giao dịch để thành lập văn phòng và trang thiết bị đặt tại văn phòng. Như vậy tại thời điểm ký kết biên bản thỏa thuận thì văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn đã đi vào hoạt động được gần 2 năm, nên trong biên bản thỏa thuận còn ghi rõ hiện tại anh H đã nhận lại số tiền 23 triệu trực tiếp từ ông N trong đó 13 triệu trích ra từ nguồn lợi ích của văn phòng và 10 triệu là tiền đầu tư ban đầu, số tiền đầu tư ban đầu còn lại 70 triệu. Mặc dù tại các lời khai ông N không công nhận việc anh H đầu tư góp vốn thành lập văn phòng thừa phát lại. NH tại các phiếu chi số 92,93 ngày 25/9/2017 văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn đã chi cho anh H tiền thanh toán mua lại tài sản tổng là 20 triệu đồng,các số tiền này anh H đã nhận, không có ý kiến, khiếu kiện gì.

Do đó, việc anh H đầu tư góp vốn vào để thành lập văn phòng và mua trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của văn phòng đã hoàn thành trên cở sở tự nguyện của hai bên cùng ký vào biên bản thỏa thuận ngày 24/4/2017. Nên công nhận anh H đã góp vốn vào văn phòng Thừa phát lại Sầm Sơn tổng số tiền là 70 triệu, ngày 25/9/2017 anh H đã được nhận lại 20 triệu, còn lại 50 triệu đồng buộc ông N phải trả lại cho anh H. Tuy nhiên theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm anh H chỉ yêu cầu Tòa án công nhận số tiền anh đã đầu tư góp vốn ban đầu và đề nghị được chia lợi nhuận theo biên bản thỏa thuận ghi nhớ giữa anh và ông N, anh không có yêu cầu đòi lại số tiền đã góp vốn ban đầu.

[2.2] Về yêu cầu chia lợi nhuận:

Cấp sơ thẩm cho rằng căn cứ theo Điều 20, 61 Luật cán bộ, công chức năm 2008; Điều 18 của Luật doanh nghiệp năm 2014 thì cán bộ, công chức không được phép tham gia thành lập, quản lý và điều hành doanh nghiệp, không được tham gia là thành viên sáng lập, thành viên góp vốn. Tại thời điểm thỏa thuận anh H đang là công chức tư pháp xã Quảng Minh, nên anh H không có đủ điều kiện để tham gia là thành viên sáng lập, điều hành, góp vốn vào Văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn và không chấp nhận đơn khởi kiện của anh H là không có căn cứ vì:

Việc cá nhân tham gia với tư cách là thành viên sáng lập, thành viên góp vốn … được nêu trong Luật doanh nghiệp thì phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng nhận bằng quyết định, và đăng ký theo trình tự thủ tục thành lập doanh nghiệp. NH biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 24/4/2017 là sự thỏa thuận tự nguyện giữa cá nhân ông N và anh H (tức là giữa công dân với công dân) và bị dàng buộc bởi quyền lợi và nghĩa vụ dân sự với nhau, nội dung biên bản thỏa thuận không công nhận anh H là thành viên sáng lập, thành viên góp vốn, mà chỉ ghi nhận việc anh H đã góp vốn vào Văn phòng thừa phát lại và được chia lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Văn phòng thừa phát lại. Nên về việc góp vốn và chia lợi nhuận trong biên bản thỏa thuận ngày 24/4/2017 không bị điều chỉnh bởi Luật công chức và Luật doanh nghiệp.

Nhận thấy, biên bản thỏa thuận ngày 24/4/2017 là một dạng hợp đồng hợp tác, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 504, 505 BLDS: "*Hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để cùng thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm*". Tại biên bản thỏa thuận nêu rõ nguyên tắc chia lợi nhuận: Sau khi tính toán chi phí trả lương cho nhân viên và các chi phí khác, còn lại lợi nhuận của văn phòng được trích lại 30% vào quỹ hoạt động của văn phòng, còn lại ông N hưởng 60%, ông H hưởng 40%. Do đó, căn cứ Điều 504, 507, 510, 512 BLDS yêu cầu khởi kiện buộc ông Đỗ Xuân N phải chia lợi nhuận hoạt động Văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn từ tháng 5/2017 đến khi khởi kiện ngày 18/01/2018 là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Để cơ sơ giải quyết vụ án, ngày 10/9/2019 TAND tỉnh Thanh Hóa ra văn bản thu thập tài liệu, chứng cứ yêu cầu Chi cục thuế Thành phố Sầm Sơn cung cấp báo cáo thuế hàng tháng, báo cáo tài chính năm 2017, 2018 của Văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn.

Phúc đáp công văn của TAND tỉnh Thanh Hóa, Chi cục Thuế thành phố Sầm Sơn đã có công văn trả lời số 1406/2019/CV-CCTSS ngày 23/9/2019 cung cấp báo cáo thuế hàng tháng, báo cáo tài chính năm 2017, 2018 của Văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn được đánh số từ bút lục 01 đến bút lục 35. Tại phụ lục báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 của Văn phòng thừa phát lại thể hiện lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 399.784.000đ. Tại phiên tòa, ông N cũng thừa nhận lợi nhuận của Văn phòng năm 2017 như Chi cục thuế thành phố Sầm Sơn báo cáo là chính xác.

Như vậy có căn cứ khẳng định lợi nhuận của Văn phòng thừa phát lại Sầm Sơn năm 2017 là 399.784.000đ.

Lợi nhuận anh H được hưởng tính như sau: Theo biên bản thỏa thuận trích lại 30% vào quỹ hoạt động của văn phòng, còn lại ông N hưởng 60%, ông H hưởng 40%. Nên được tính như sau lợi nhận sau khi đã trích lại 30% vào quỹ của văn phòng, còn lại là 279.848.800đ, anh H được hưởng 40% = 111.939.000đ, trừ đi số tiền anh H đã nhận tổng 34.629.000đ (ghi trong biên bản thỏa thuận 13 triệu, ghi phiếu chi số 63 là 21.629.000đ), anh H còn được nhận là 77.310.000đ.

Vì những lẽ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của TAND thành phố Sầm Sơn theo hướng: Căn cứ Điều 504; 505; 507 và Điều 510 BLDS, chấp nhận một phần đơn khởi kiện, công nhận biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 24/4/2017 giữa ông Đỗ Xuân N và anh Lê Đình H. Buộc ông Đỗ Xuân N phải thanh toán cho anh Lê Đình H số tiền lợi nhuận hoạt động của văn phòng Thừa phát lại Sầm Sơn từ tháng 5/2017 đến hết ngày 31/12/2017 là 77.310.000đ. Số tiền góp vốn còn lại của anh H là 50 triệu đồng, tại phiên tòa anh không yêu cầu trả lại nên Tòa án giành quyền cho anh H khởi kiện ở vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, miễn án phí cho ông Đỗ Xuân N.

Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận một phần đơn kháng cáo nên anh H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 504, 505, 507 và Điều 510 BLDS. Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 4 Điều 26; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Lê Đình H.

2. Sửa bản án Dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa như sau: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của anh Lê Đình H, công nhận biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 24/4/2017 giữa ông Đỗ Xuân N và anh Lê Đình H. Buộc ông Đỗ Xuân N phải thanh toán cho anh Lê Đình H số tiền lợi nhuận hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại Sầm Sơn từ tháng 5/2017 đến hết ngày 31/12/2017 là 77.310.000đ. Số tiền góp vốn còn lại của anh H là 50 triệu đồng, giành quyền cho anh H khởi kiện ở vụ án khác khi có yêu cầu.

3. Về án phí:

- Án phí phúc thẩm: Anh Lê Đình H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, trả lại cho anh Lê Đình H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005990 ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Án phí giá ngạch: Căn cứ Điều 147 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016, miễn án phí cho ông Đỗ Xuân N. Anh Lê Đình H phải chịu án phí với phần không được chấp nhận là 60.974.000 x 5% = 3.048.700 (Ba triêu, không trăm bốn tám nghìn, bảy trăm đồng).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiện thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND cấp cao tại HN; - VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND Thành phố Sầm Sơn;
- Chi cục THADS Thành phố Sầm Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Thành